| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN N**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 03 – 2023
*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Dung
2. Bà Nguyễn Thị Mai Hồng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Hương –** Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 28 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 27/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2023/QĐXXST-HN ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị Ngọc Q**, sinh năm 1993 (Có mặt)
ĐKTT: 64 Đ, phường A, quận N, TP Cần Thơ.
Địa chỉ liên hệ: 148 M, phường A, quận N, TP Cần Thơ.

* *Bị đơn:* Ông **Lý Minh V**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)
ĐKTT: 64 Đ, phường A, quận N, TP Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc Q trình bày:*

Bà và ông Lý Minh V tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh S. Thời gian đầu, ông bà chung sống với nhau đầm ấm, hạnh phúc nhưng về sau giữa vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vả. Nay, bà xác định không còn tình cảm, không thể hàn gắn được và ông bà cũng đã có khoảng thời gian sống ly thân nên xin được ly hôn với ông Lý Minh V.

Về con chung: Bà xác định có 01 con chung là cháu Lý Nhã K (nữ), sinh ngày 03/01/2014. Hiện, cháu K đang sống với ông Lý Minh V. Để không làm ảnh hưởng đến con chung, bà thống nhất tiếp tục giao cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Lý Minh V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến, không có lý do.*

**Tại phiên tòa**:

Phía bị đơn – ông Lý Minh V vắng mặt.

Phía nguyên đơn – bà Trương Thị Ngọc Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với ông Lý Minh V; đồng ý giao cháu Lý Nhã K cho ông V nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu K là 1.000.000đồng/tháng; xác định không có tài sản chung, nợ chung. Bà đồng ý để Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ nhận định:

*Về thủ tục*: Ông Lý Minh V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Để đảm bảo thủ tục tố tụng, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thông báo xét xử tại nơi cư trú của ông V, trụ sở Ủy ban nhân dân phường An Cư, quận N, thành phố Cần Thơ, trụ sở Tòa án nhân dân quận N theo quy định tại Điều 179, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông V là phù hợp quy định của pháp luật.

*Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý:* Bà Trương Thị Ngọc Q và ông Lý Minh V có đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2013 tại Uỷ ban nhân dân xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, khi có phát sinh tranh chấp sẽ thuộc sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*". Do bị đơn ông Lý Minh V có địa chỉ cư trú tại quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về quan hệ hôn nhân:* Nguyên đơn trình bày rằng hôn nhân ban đầu là tự tìm hiểu, có tự nguyện tiến tới hôn nhân. Trong quá trình chung sống thời gian đầu đầm ấm, hạnh phúc nhưng về sau giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vả. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như hòa giải tại bộ phận Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, Tòa án đã triệu tập ông V nhiều lần nhằm tạo điều kiện hòa giải hàn gắn cho các bên nhưng ông V

không đến, điều đó cho thấy ông V không còn tha thiết hàn gắn hôn nhân, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được. Mặc khác, bà Q và ông V đã có thời gian sống ly thân, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc. Do vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Q theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

*Về nuôi con chung:* Giữa bà Q và ông V có 01 con chung là cháu Lý Nhã K (nữ), sinh ngày 03/01/2014, hiện cháu K đang sống với ông V. Khi ly hôn bà Q đồng ý tiếp tục giao con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Đồng thời, cháu K đã trên 07 tuổi và có bản tự khai rằng cháu mong muốn được sống với ông V. Do cháu K có nguyện vọng được sống với cha và bà Q cũng đồng ý tiếp tục giao con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Việc ổn định nơi ở, học tập cũng như đảm bảo quyền lợi về việc không làm xáo trộn cuộc sống của cháu K, do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng nên ghi nhận tiếp tục giao cháu K cho ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bị đơn ông V không đến Tòa, không thể hiện ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, việc bà Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, đây là sự tự nguyện của bà Q và sự tự nguyện này không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu Lý Nhã K, Hội đồng xét xử cũng căn cứ vào quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình để dành quyền lợi được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà Q, không ai được quyền cản trở. Đồng thời người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con. Trường hợp có việc lạm dụng thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Ngoài ra, các bên còn quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

*Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Q trình bày không có và do xét xử vắng mặt ông V nên không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

*Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo đúng quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Căn cứ vào**: Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 179; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 26/12/2016 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao quy định án phí, lệ phí tòa án.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trương Thị Ngọc Q và ông Lý Minh V.

**2**. Về nuôi con chung:

Giao cháu Lý Nhã K (nữ), sinh ngày 03/01/2014 cho ông Lý Minh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; bà Trương Thị Ngọc Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà Q không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu K, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

**3**. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết thành một vụ kiện khác.

**4.** *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn – bà Trương Thị Ngọc Q phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn bà Q phải chịu 300.000 đồng. Nguyên đơn bà Q đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000446 ngày 20/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ được chuyển thành án phí hôn nhân. Nguyên đơn bà Q còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- *TANDTPCT;*
- *VKSNDQNK;*
- *THADSQNK;*
- *Các đs;*
- *UBND xã A;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**ĐỖ THỊ DIỄM TRANG**